

Bản án số: 99/2017/HSST
Ngày 20 - 7 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LẠNG SƠN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Hoàng Yến

2. Ông Trần Quang Chiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2017/HSST, ngày 30 tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo:

- **Lộc Ngọc D**; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1983 tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; con ông H và bà Đ; có vợ là V, con chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2017 đến ngày 22/3/2017 bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

- Người bị hại: Bà Lăng Thị T. Trú tại: Xã T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị V. Trú tại: Phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do thiếu tiền tiêu sài, nên ngày 27/01/2016, Lộc Ngọc D đã có hành vi gian dối, bằng việc tạo lòng tin trong việc chạy cho cháu A, là con trai của bà Lăng Thị T đi học trường Trung cấp cảnh sát vũ trang, Lộc Ngọc D đã chiếm đoạt của bà T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 88/KSĐT ngày 30 tháng 5 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lộc Ngọc D ra trước Toà

án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lộc Ngọc D thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố, cụ thể như sau:

Bị cáo có một thời gian từ 2009 đến 2011 làm cộng tác viên với tạp chí Công an nhân dân, bị cáo có quen biết với anh B trú tại phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đến Khoảng giữa tháng 9/2015 bà Lăng Thị T gọi điện thoại cho bị cáo, tự giới thiệu là người thân của anh B và nhờ bị cáo xem điểm thi học viện An ninh nhân dân cho con trai là cháu A. Bị cáo đồng ý đi xem hộ và thông báo cho bà T biết cháu A chỉ được 22 điểm không đủ điểm xét tuyển vào Học viện An ninh. Vì muốn con trai mình được vào học tại các trường Trung cấp Công an nhân dân, nên bà T đã nhờ bị cáo chạy cho cháu A, bị cáo đồng ý và liên lạc với người quen trước đó ở thành phố Hải Phòng thì biết mỗi suất vào học tại các trường Trung cấp Công an nhân dân có giá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Bị cáo điện báo cho bà T biết, bà T đồng ý và hai bên thỏa thuận khi nào có quyết định nhập học thì mới chuyển tiền.

Do thiếu tiền tiêu sài, lợi dụng việc mình đang chạy trường cho cháu A đi học, ngày 27/01/2016 bị cáo gọi điện nói dối với bà T là đã xin được cho cháu A vào trường Trung cấp vũ trang và bảo bà T chuyển 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền đặt cọc. Vì chưa tin nên bà T hỏi bị cáo về giấy báo nhập học, để tạo lòng tin bị cáo bảo bà T cho địa chỉ Email để chuyển mẫu đơn xin nhập học cho cháu A. Sau đó bị cáo đã lên mạng lấy mẫu đơn xin nhập học gửi vào địa chỉ Email của cháu A và yêu cầu A viết theo mẫu rồi gửi cho bị cáo. Sau khi viết đơn xong cháu A đã gửi đơn xuống cho bị cáo và bà T đã đến ngân hàng BIDV chuyển cho bị cáo 100.000.000 đồng như yêu cầu vào số tài khoản của bị cáo, số tiền chiếm đoạt được bị cáo đã tiêu sài hết. Đến ngày 11/01/2017 Cơ quan điều tra triệu tập đến làm việc, thì bị cáo mới được biết ngày 05/01/2017 bà T có đơn tố giác bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 07/02/2017 bị cáo bị bắt tạm giam đến ngày 22/3/2017 thì được tại ngoại, sau khi bị bắt tạm giam bị cáo đã nhờ gia đình đến trả bà T số tiền mình đã chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, đến nay bà T không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra trước đó vào các ngày 28/9/2015, 19/10/2015 và 11/4/2016 bị cáo còn được vay mượn tiền của bà Lăng Thị T với tổng số tiền là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) với mỗi lần vay mượn 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để phục vụ mục đích kinh doanh là mở các chương trình ca nhạc ở địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận. Đến ngày 31/12/2016 bị cáo đã trả đủ cho bà T (900.000.000 đồng), đây là số tiền vay mượn dân sự giữa bị cáo và bà T hai bên đã thanh toán xong.

Lời khai tại cơ quan điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/7/2017 của bà Lăng Thị T thể hiện:

Qua người quen là anh B bà T được biết bị cáo Lộc Ngọc D là nhà báo công tác tại Báo Công an Nhân Dân, vì vậy bà T đã xin anh B số điện thoại của bị cáo để nhờ xem điểm thi cho con trai. Đến khoảng giữa tháng 9/2015 bà T gọi điện thoại nhờ bị cáo xem điểm thi Học viện An ninh nhân dân cho con trai là cháu A, bị cáo đồng ý đi xem điểm giúp, sau khi xem điểm bị cáo thông báo cho bà T biết cháu A chỉ được 22 điểm không đủ điểm vào học, bà T lại nhờ bị cáo xem cháu A có đủ điểm vào các trường cao đẳng và trung cấp Công an không, bị cáo đi xem và thông báo cháu A không đủ điểm. Do muốn con mình vào học các trường trung cấp công an nhân dân, nên bà T nhờ bị cáo chạy đề cho cháu A được vào học. bị cáo đồng ý và báo cho bà T biết mỗi xuất có giá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận khi nào có quyết định nhập học thì mới chuyển tiền.

Ngày 27/01/2016 bị cáo D gọi điện thông báo với bà T là đã xin được cho cháu A đi học trường Trung cấp Cảnh sát Vũ trang và gửi mẫu đơn đề nghị nhập học cho cháu A viết để gửi xuống trường, nên bà T rất tin tưởng và đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) như bị cáo D yêu cầu.

Ngoài việc chuyển 100.000.000 đồng để chạy trường cho con thì bà T còn cho Lộc Ngọc D vay một số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, cụ thể vào các ngày 28/9/2015; ngày 19/10/2015 và ngày 11/4/2016, Lộc Ngọc D gọi điện hỏi vay với mỗi lần là 300.000.000 đồng để kinh doanh, khi D điện hỏi vay tiền thì bà T có hỏi tình hình việc học của cháu A thì D có trả lời là việc gì ra việc đấy, số tiền vay D sẽ có trách nhiệm thanh toán đủ và đến ngày 31/12/2016 Lộc Ngọc D và gia đình đã trả lại đủ số tiền vay của bà T.

Sau khi biết việc chạy trường cho con mình không được, bà T yêu cầu D trả lại số tiền 100.000.000 đồng, nhưng D nói số tiền trên đã lo chạy việc học cho cháu A hết và D không đồng ý trả lại, bà T rất bức xúc nên ngày 05/01/2017 bà T đã viết đơn tố giác D đến cơ quan công an, vì muốn D trả lại tiền cho mình, nên trong đơn bà T tố giác D chiếm đoạt tổng số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng với mục đích để D sợ phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

Đến ngày 15/02/2017 vợ D là chị V đã trả cho bà T toàn bộ số tiền D chiếm đoạt là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, vì vậy về phần dân sự bà T không có yêu cầu gì thêm và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Lộc Ngọc D.

Lời khai tại cơ quan điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/7/2017 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị V thể hiện: Chị V và bị cáo Lộc Ngọc D là vợ chồng kết hôn từ năm 2009, từ khi kết hôn đến nay hai vợ chồng độc lập về kinh tế và ít quan tâm đến công việc (nghề nghiệp) riêng của nhau, chỉ đến khoảng cuối năm 2016 D cho biết có vay tiền của bà T để kinh doanh, việc kinh doanh thua lỗ nên chưa trả được hết tiền, số tiền còn nợ bà T là 350.000.000 đồng và D bảo chị V thu xếp để trả, đến ngày 31/12/2016 chị V đã trả số tiền trên cho bà T. Sau đó đến gần tết Nguyên đán 2017 Công an đến nhà xác minh, thì gia đình mới được biết ngoài số tiền D vay, thì D còn chiếm đoạt của bà T 100.000.000 (một trăm triệu) đồng thông qua hình thức chạy trường

cho con bà T. Số tiền D chiếm đoạt của bà T chị đã đứng ra trả cho bà T và xin lỗi để bà T bỏ qua, số tiền trả bà T chị V không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Tại phiên tòa người làm chứng anh B trình bày, anh với bà Lăng Thị T có quan hệ thông gia, nên vào tháng 9/2015 anh B có được giới thiệu Lộc Ngọc D là nhà báo Công an nhân dân với bà T, nhưng từ khi giới thiệu hai người với nhau, thì anh B không được biết gì về việc bà T nhờ D chạy trường trung cấp cảnh sát cho con là cháu A.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm buộc tội bị cáo như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lộc Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có tài sản. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động nhãn hiệu Mobilstar B248 màu đen tím đã qua sử dụng của bị cáo (kèm theo sim) là công cụ, phương tiện phạm tội; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa ngày hôm nay lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng cuối tháng 9/2015 bà Lăng Thị T nhờ Lộc Ngọc D chạy cho con trai là cháu A vào học tại các trường Trung cấp Công an nhân dân. D đồng ý và liên lạc với người quen trước đó ở thành phố Hải Phòng thì được biết mỗi suất vào học tại các trường Trung cấp Công an nhân dân có giá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). D điện báo cho bà T biết, bà T đồng ý và hai bên thỏa thuận khi nào có quyết định nhập học thì mới chuyển tiền. Do thiếu tiền tiêu sài, lợi dụng việc mình đang chạy cho con bà T đi học, nên ngày 27/01/2016, D gọi điện nói dối bà T đã xin được cho cháu A đi học trường Trung cấp Cảnh sát Vũ trang và yêu cầu bà T chuyển cho D tiền đặt cọc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Do từ trước đã thống nhất khi nào có quyết định nhập học thì mới đưa tiền nên bà T hỏi D về giấy báo nhập học, để tạo lòng tin D bảo bà T cho địa chỉ Email để chuyển mẫu đơn xin nhập học, sau đó D lên mạng lấy mẫu đơn xin nhập học gửi vào địa chỉ Email của cháu A và bảo viết xong gửi cho D. Sau khi viết đơn xong cháu A đã gửi cho D và bà T đã đến ngân hàng BIDV chuyển 100.000.000 đồng vào số tài khoản của Lộc Ngọc D như yêu cầu. Như vậy tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo

Lộc Ngọc D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối để bà T tin chuyển tiền cho và bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài bị cáo vẫn cố tình thực hiện, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố.

Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bản thân từ trước tới ngày thực hiện hành vi lừa đảo chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bản thân từ trước tới ngày thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả) và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự (bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật. Căn cứ Điều 1, 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo, thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Nhận định trên cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa ngày hôm nay.

Đối với đối tượng bị cáo khai nhận đã nhờ chạy cho cháu A đi học, do bị cáo không biết tên, địa chỉ, quá trình liên lạc bị cáo sử dụng sim rác để liên lạc (sim không còn, bị cáo không nhớ số), cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, điều tra xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét bị cáo không có thu nhập, không có tài sản (theo biên bản xác minh), nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động, nhãn hiệu Mobilstar B248 màu đen tím đã qua sử dụng của bị cáo (kèm theo sim) là công cụ, phương tiện phạm tội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lộc Ngọc D phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lộc Ngọc D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, quận H, Thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động, nhãn hiệu Mobilstar B248 màu đen tím, model B248, số Imel: 352248022397607, kèm theo sim thuê bao 0904644882, máy đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 7 năm 2017)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lộc Ngọc D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Công an cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Bị cáo;
- Người bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hải Đoàn